

Hà Nội, ngày 23 tháng 4 năm 2016

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDC K TP HCM**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM**

Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA10**

Mã chứng khoán: **L10**

Địa chỉ trụ sở chính: Toà nhà Lilama10 - Phố Tố Hữu - Phường Trung Văn - Quận Nam
Từ Liêm - Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 04 38649584 Fax: 04 38649581

Người thực hiện công bố thông tin: **Trịnh Ngọc Tuấn Hùng**

Địa chỉ: Toà nhà Lilama10 - Phố Tố Hữu - Phường Trung Văn - Quận Nam Từ Liêm -
Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 04 3 8649586 Fax: 04 38649581

Loại thông tin công bố 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ:

Nội dung công bố thông tin: **Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông
thường niên năm 2016 Công ty Cổ phần Lilama 10.**

Thông tin này sẽ được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày
23/4/2016 tại địa chỉ website: www.lilama10.com.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn
chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu Lilama 10.

Người được ủy quyền công bố thông tin

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



KẾ TOÁN TRƯỞNG

Trịnh Ngọc Tuấn Hùng



LILAMA10, JSC

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM (LILAMA CORPORATION)
CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 10 (LILAMA 10, JSC)
Trụ sở: Toà nhà Lilama10 - Phố Tố Hữu - Phường Trung Văn - Quận
Nam Từ Liêm – Thành phố Hà Nội.
Tel : 04.38.649.584 Fax: 04.38.649.581
Email: info@lilama10.com

ISO 9001:2008
OHSAS18001:2007
ASME - "S"; "U"
www.lilama10.com
www.lilama10.com.vn

Số: 01 /LILAMA10/ĐHĐCĐ

Hà nội, ngày 23 tháng 4 năm 2015

BIÊN BẢN

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2016 CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA10

| | |
|--------------------------------------|--|
| Tên doanh nghiệp: | Công ty cổ phần LILAMA10 |
| Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: | Mã số doanh nghiệp: 5400101273 do Sở kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà nội cấp ngày 29/12/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 14/7/2014. |
| Địa chỉ: | Toà nhà Lilama10 - Phố Tố Hữu - Phường Trung Văn - Quận Nam Từ Liêm – Thành phố Hà Nội. |
| Thời gian họp: | Bắt đầu từ 08 giờ 15 phút ngày 23/4/2016 |
| Địa điểm họp: | Hội trường tầng 16 - Tòa Nhà Lilama10, Phố Tố Hữu, Phường Tru..g Văn, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội. |
| Chương trình, nội dung đại hội: | Theo chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua (được đính kèm biên bản này). |
| Chủ toạ đại hội: | Ông Nguyễn Đức Tuấn - Chủ tịch HĐQT. |
| Thư ký đại hội: | + Ông Phạm Khắc Tuyên + Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng |
| Cổ đông và đại diện cổ đông tham dự: | Tính đến 8 giờ 30 phút: - Có 74 cổ đông và người được uỷ quyền dự họp, Đại diện cho: 7.257.229 cổ phần bằng 81,54 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Tính đến 9 giờ 30 phút: - Có 87 cổ đông và người được uỷ quyền dự họp, Đại diện cho: 7.348.794 cổ phần bằng 82,57 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. |

DIỄN BIẾN ĐẠI HỘI

(theo trình tự thời gian):

I. Thủ tục khai mạc Đại hội:

- Ông Cao Tuấn Mai - Thành viên Ban kiểm soát / Trưởng Ban kiểm tra tư cách đại biểu báo cáo việc kiểm tra tư cách cổ đông dự họp, theo báo cáo: với tỷ lệ cổ đông tham dự đạt 81,54 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông chốt tại ngày

16/03/2016, Đại hội có đủ điều kiện về tỷ lệ cổ phần cần thiết theo qui định của Pháp luật để tiến hành Đại hội.

- Ban tổ chức khai mạc đại hội, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu, khách mời.
- Ban tổ chức giới thiệu Đoàn chủ tịch, Giới thiệu và thông qua đại hội thành phần Đoàn thư ký và Ban kiểm phiếu bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết. **ĐHĐCĐ đã nhất trí thông qua với tỷ lệ 100 %**, với danh sách cụ thể như sau:

◆ **Đoàn chủ tịch:**

- | | |
|----------------------------|--------------------------------|
| + Ông Nguyễn Đức Tuấn | - Chủ tịch HĐQT - Chủ tọa đoàn |
| + Ông Đặng Văn Long | - Thành viên HĐQT |
| + Ông Trương Thế Vinh | - Thành viên HĐQT |
| + Ông Trịnh Ngọc Tuấn Hùng | - Thành viên HĐQT |
| + Ông Vũ Duy Thêm | - Thành viên HĐQT |
| + Ông Lê Văn Đông | - Thành viên HĐQT |

◆ **Đoàn thư ký:**

- | | |
|---------------------------|----------------------------------|
| + Ông Phạm Khắc Tuyên | - Phó Trưởng Phòng KT-KT Công ty |
| + Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng | - Phòng KT-KT Công ty |

◆ **Ban Kiểm Phiếu**

- | | | |
|-------------------------|---------------------------|--------------|
| + Ông: Đoàn Văn Thực | - Trưởng Ban QLM | - Trưởng ban |
| + Ông: Nguyễn Hồng Đăng | - Phòng tổ chức LĐTTL | - Ủy viên |
| + Ông: Nguyễn Hải Hà | - Phòng tổ chức LĐTTL | - Ủy viên |
| + Bà: Đinh Thị Mỹ Vân | - Phòng tổ chức LĐTTL | - Ủy viên |
| + Ông: Vũ Mạnh Tiến | - Phòng Tài chính-Kế toán | - Ủy viên |
| + Ông: Lương Ngọc Sơn | - Phòng Kinh tế Kỹ thuật | - Ủy viên |

- Ông Trương Thế Vinh - Ban tổ chức: mời Đoàn chủ tịch, Đoàn thư ký lên làm việc và điều hành Đại hội.

- Ông Lê Văn Đông được sự uỷ quyền của chủ tọa Đại hội, Báo cáo quy chế đại hội và Quy chế bầu cử tại Đại hội, **ĐHĐCĐ đã nhất trí thông qua quy chế Đại hội bằng giơ thẻ biểu quyết với tỷ lệ 100 %**.

- Đoàn chủ tịch công bố chương trình Đại hội và nội dung của Đại hội. **ĐHĐCĐ đã nhất trí thông qua chương trình và nội dung đại hội bằng giơ thẻ biểu quyết với tỷ lệ 100 %**.

II. Các báo cáo trình bày tại Đại hội:

- Ông Đặng Văn Long - Thành viên HĐQT/ Tổng Giám đốc Công ty trình bày Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2015; Phương hướng, nhiệm vụ SXKD năm 2016.
- Ông Trịnh Ngọc Tuấn Hùng - Thành viên HĐQT/ Kế toán trưởng Công ty trình bày Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2015; Phương án phân phối lợi nhuận, trả

cổ tức 2015; Báo cáo thù lao HĐQT, BKS năm 2015 và phương án trả thù lao năm 2016; Báo cáo về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập 2016.

- Ông Nguyễn Đức Tuấn - Chủ tịch HĐQT trình bày Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2015.
- Bà Nguyễn Thị Thu Trang – Trưởng Ban Kiểm soát trình bày Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2015.
- Ông Vũ Duy Thêm - Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc Công ty trình bày:
 - + Tờ trình phê duyệt phương án chi trả cổ tức bằng cổ phiếu (tăng vốn điều lệ).
 - + Tờ trình phê duyệt phương án tăng vốn điều lệ bằng hình thức phát hành cổ phiếu.
- Ông Trương Thế Vinh – Thành viên HĐQT trình bày:
 - + Tờ trình phê duyệt sửa đổi, bổ sung Điều lệ theo luật doanh nghiệp 2014.
- Ông Lê Văn Đông - Thành viên HĐQT trình bày:
 - + Tờ trình đề nghị phê duyệt việc điều chỉnh Đề án tái cấu trúc doanh nghiệp và nâng cao năng lực quản trị Công ty giai đoạn 2015-2020, định hướng đến 2025.
- Ông Trương Thế Vinh – Thành viên HĐQT trình bày:
 - + Báo cáo việc Miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát Công ty. ĐHĐCĐ đã nhất trí thông qua việc Miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát Công ty bằng giờ thẻ biểu quyết với tỷ lệ 100 %.

III. Các ý kiến tham gia đóng góp, thảo luận, kiến nghị cho các báo cáo trình bày tại Đại hội:

Đại hội nhất trí cáo với các báo cáo, tờ trình đã được trình bày; không có ý kiến khác được nêu tại Đại hội.

IV. Chương trình bỏ phiếu biểu quyết thông qua các báo cáo trong ĐH:

- 1- Ông Lê Văn Đông – Thành viên HĐQT trình bày Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử Thành viên Ban kiểm soát. ĐHĐCĐ đã nhất trí thông qua Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử Thành viên Ban kiểm soát bằng giờ thẻ biểu quyết với tỷ lệ 100 %.
- 2- Ông Nguyễn Đức Tuấn - Chủ tịch HĐQT trình bày Danh sách đề cử bầu TVBKS của đại diện cổ đông Tổng Công ty LILAMA, gồm 03 ứng viên như sau:
 1. Ông Nguyễn Hoàng Hà
 2. Bà Nguyễn Thị Thu Phương
 3. Ông Đặng Hào Quang

Đoàn chủ tịch đề nghị Đại hội tiếp tục giới thiệu, đề cử, ứng cử ứng viên tham gia vào BKS nhiệm kỳ (2012-2017). ĐHĐCĐ đã nhất trí thông qua Danh sách đề cử, ứng cử bầu TVBKS Thành viên Ban kiểm soát bằng giờ thẻ biểu quyết với tỷ lệ 100 % với 03 ứng viên có tên như trên.

4. Ông Đoàn Văn Thục - Trưởng Ban kiểm phiếu hướng dẫn qui chế, thể lệ ghi biểu quyết; Ban kiểm phiếu phát phiếu bầu đến các cổ đông.
5. Các cổ đông thực hiện việc ghi phiếu và bỏ phiếu.
6. Đại hội nghị giải lao, Ban kiểm phiếu làm việc: 30 phút.
7. **Kết quả kiểm phiếu: Do ban kiểm phiếu thực hiện và báo cáo trước Đại Hội:**

6.1 Kết quả kiểm phiếu các báo cáo, tờ trình:

| TT | Các nội dung lấy ý kiến | Đồng ý | | Không đồng ý | | Không có ý kiến | |
|----|---|-----------------------|---------|-----------------------|---------|-----------------------|---------|
| | | Số cổ phần biểu quyết | Tỷ lệ % | Số cổ phần biểu quyết | Tỷ lệ % | Số cổ phần biểu quyết | Tỷ lệ % |
| 1 | Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2015 và phương hướng, nhiệm vụ 2016; | 7.335.994 | 99,83% | 12.800 | 0,17% | - | - |
| 2 | Báo cáo tài chính tóm tắt đã được kiểm toán năm 2015; | 7.335.994 | 99,83% | 12.800 | 0,17% | - | - |
| 3 | Phương án phân phối lợi nhuận, trả cổ tức 2015; | 7.328.204 | 99,72% | - | - | 20.590 | 0,28% |
| 4 | Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2015; | 7.348.794 | 100% | - | - | - | - |
| 5 | Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2015; | 7.345.044 | 99,95% | - | - | 3.750 | 0,05% |
| 6 | Tờ trình thù lao HĐQT, BKS, Thư ký năm 2015 và phương án trả thù lao 2016; | 7.345.044 | 99,95% | - | - | 3.750 | 0,05% |
| 7 | Ủy quyền cho HĐQT Công ty lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán BCTC 2016. | 7.348.794 | 100% | - | - | - | - |
| 8 | Thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2015 bằng cổ phiếu. | 7.338.329 | 99,86% | - | - | 10.465 | 0,14% |
| 9 | Thông qua phương án phát hành cổ phiếu ra công chúng. | 7.348.294 | 99,99% | - | - | 500 | 0,01% |
| 10 | Thông qua tờ trình phê duyệt sửa đổi, bổ sung Điều lệ theo luật doanh nghiệp 2014. | 7.348.794 | 100% | - | - | - | - |
| 11 | Thông qua tờ trình phê duyệt việc điều chỉnh Đề án tái cấu trúc doanh nghiệp và nâng cao năng lực quản trị Công ty. | 7.348.794 | 100 % | - | - | - | - |

6.2 Kết quả kiểm phiếu bầu cử Thành viên Ban kiểm soát:

- Kết quả bầu cử Thành viên BKS như sau:

| TT | Ứng viên BKS | Số phiếu bầu Đạt tỷ lệ % trên số cổ phần dự họp |
|----|-----------------------|--|
| 1 | Nguyễn Hoàng Hà | 100,07% |
| 2 | Nguyễn Thị Thu Phương | 98,48% |
| 3 | Đặng Hào Quang | 100,16% |

- Ông Nguyễn Hoàng Hà – Thành viên BKS công bố kết quả bầu Trưởng ban kiểm soát nhiệm kỳ 2012-2017.

- Ban Kiểm soát mới ra mắt Đại hội.

V. Thủ tục bế mạc Đại hội:

- Ông Phạm Khắc Tuyên, thư ký Đại hội trình bày biên bản & nghị quyết đại hội trước toàn thể đại hội để đại hội thông qua.
- Đại hội đồng cổ đông đã nhất trí biểu quyết thông qua toàn văn Biên bản, Nghị quyết đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Lilama10 với tỷ lệ: 100% ngay tại đại hội bằng thẻ biểu quyết.
- Toàn văn nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 cho năm tài chính 2015 Công ty cổ phần LILAMA 10 sẽ được công bố trên Website của Công ty:

www.lilama10.com.vn; www.lilama10.com

Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Lilama 10 kết thúc hồi 11h40 ngày 23/4/2016.

Thư ký (1)

Nguyễn Thị Thúy Hằng

Thư ký (2)

Phạm Khắc Tuyên



Nguyễn Đức Tuấn



LILAMA10, JSC

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM (LILAMA CORPORATION)

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 10 (LILAMA 10, JSC)

Trụ sở: Toà nhà Lilama10 - Phố Tố Hữu - Phường Trung Văn
Quận Nam Từ Liêm - Thành phố Hà Nội.

Tel : 04.38.649.584

Fax: 04.38.649.581

Email: info@lilama10.com

ISO 9001:2008

OHSAS18001:2007

ASME - "S"; "U"

www.lilama10.com

www.lilama10.com.vn

Số: 02/NQ-ĐHCĐ

Hà Nội, ngày 23 tháng 4 năm 2016

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2016
CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 10

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13, ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11, ngày 29 tháng 6 năm 2006;
- Căn cứ điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Lilama 10;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, ngày 23 tháng 4 năm 2016,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2015 & Phương hướng, nhiệm vụ, kế hoạch năm 2016.

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2015, với các chỉ tiêu cơ bản sau:

| STT | Chỉ tiêu/năm | Đơn vị | Kế hoạch 2015 | Thực hiện Năm 2015 | Tỷ lệ thực hiện |
|-----|------------------------|---------|---------------|--------------------|-----------------|
| 1 | Sản lượng | Tỷ đồng | 1.130 | 1.219 | 107,78% |
| 2 | Doanh thu | Tỷ đồng | 856,0 | 1.210,3 | 141,39% |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 33,2 | 39,0 | 117,47% |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | 25,9 | 30,4 | 117,37% |
| 5 | Nộp ngân sách nhà nước | Tỷ đồng | 46 | 65,4 | 142,17% |

| | | | | | |
|---|--|---------|-----|------|--------|
| 6 | Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu | % | 3,9 | 3,22 | 82,5% |
| 7 | Thu nhập bình quân CBNV/tháng | Tr.Đồng | 7,0 | 7,1 | 101,4% |

2. Thực hiện công tác đầu tư phát triển của Công ty năm 2015:

| STT | TÊN DỰ ÁN | Năm 2015 | | | Ghi chú |
|----------|---|-------------|--------------|-----------------|---------------------------|
| | | Kế hoạch | Thực hiện | Tỷ lệ thực hiện | |
| | Tổng cộng A+B: | 87,6 | 37,08 | 42% | |
| A | Kế hoạch đầu tư | 64,5 | 14,53 | | |
| 1 | Xây dựng xưởng gia công | 23,5 | 3,8 | | |
| 2 | Mở rộng xưởng cơ khí số 1 | 1,5 | - | | |
| 3 | Xe ca 29-34 chỗ ngồi (03 chiếc) | 4,5 | - | | |
| 4 | Máy móc, thiết bị khác (dụng cụ chuyên dùng, con lăn, lớp, máy hàn..) | 5,0 | 3,804 | | |
| 5 | Mua sắm thiết bị, máy móc, và nâng cao năng lực SXKD năm 2015 | 30,0 | 6,93 | | |
| B | Dự án phát sinh trong năm | 23,1 | 22,55 | | |
| 1 | Cần trục tháp 50 tấn (01 cái) | 23,1 | 22,55 | | <i>Thuê mua tài chính</i> |

3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016:

| TT | Chỉ tiêu | Đơn vị | Kế hoạch năm 2016 | Ghi chú |
|----|--|---------|-------------------|---------|
| 1 | Giá trị sản lượng | Tỷ đồng | 1.130 | |
| 2 | Doanh thu thuần | Tỷ đồng | 1.033 | |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 41,3 | |
| 4 | Nộp ngân sách Nhà nước | Tỷ đồng | 50,3 | |
| 5 | Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu | (%) | 4,0 | |

| | | | | |
|---|----------------------------------|---------|--------|--|
| 6 | Thu nhập bình quân CBNV/tháng | Tr.Đồng | 7,2 | |
| 7 | Cổ tức | % | 10-13% | |

4. Kế hoạch đầu tư năm 2016

Kế hoạch năm 2016 tiếp tục đầu tư chiều sâu tăng cường thiết bị phục vụ thi công, nâng cao năng lực hoạt động của Công ty:

| TT | Tên dự án | KH năm 2016 (tỷ đồng) | Ghi chú |
|----|---------------------------|-----------------------------|---------|
| A | Dự án chuyển tiếp | 48,77 | |
| B | Các dự án chuẩn bị đầu tư | 64,64 | |
| | Tổng Cộng | 113.41 | |

5. Các giải pháp thực hiện kế hoạch 2016:

- Tiếp tục thi công, hoàn thiện các công trình đảm bảo an toàn, chất lượng, tiến độ, hiệu quả các dự án đã được ký kết. Đặc biệt trong năm 2016, Công ty tập trung hoàn thành nhiệm vụ ở các công trình trọng điểm:

- + Thủy điện Lai Châu: Phát điện Tổ máy 2
- + Thủy điện Huội Quảng: phát điện Tổ máy 2
- + Nhiệt điện Vĩnh Tân 4
- + Nhà máy Lọc dầu Nghi Sơn.

- Giảm chi phí, tiết kiệm sử dụng nguyên nhiên liệu.

- Đẩy mạnh hơn nữa công tác tiếp thị tìm kiếm việc làm không những trong nước mà cả ở nước ngoài để đảm bảo đủ việc làm, ổn định cho người lao động trong Công ty.

- Nâng cao ý thức người lao động về công tác an toàn, vệ sinh môi trường. Tăng cường đội ngũ cán bộ kỹ sư kỹ thuật làm công tác an toàn, bổ sung các trang thiết bị dụng cụ an toàn cho người lao động. Đồng thời có các biện pháp xử lý kỷ luật các cá nhân và tập thể vi phạm quy định về an toàn lao động, vệ sinh môi trường.

- Nâng cao chất lượng sản phẩm: xây dựng hệ thống kiểm tra, đánh giá chất lượng sản phẩm, tăng cường đội ngũ cán bộ QA/QC, quán triệt đến người lao động về tầm quan trọng của chất lượng sản phẩm... từng bước nâng cao năng lực và thương hiệu của Công ty.

- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp chuyên nghiệp, thể hiện qua các giá trị như: trang phục làm việc, môi trường làm việc, cân bằng các mối quan hệ trong đối nội và đối ngoại, các tiêu chuẩn trong công việc...

- Tăng cường công tác quản lý: Nhân sự, phương tiện thi công, tài chính, kỹ thuật... Đặc biệt triệt để thực hiện công tác giao khoán đến tận các tổ (đội) sản xuất.

- Đào tạo, đào tạo lại và đào tạo nâng cao, chú trọng và tăng cường hơn nữa đến đào tạo chuyên sâu, nâng cao về ngoại ngữ...

- Đầu tư chiều sâu để nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh.

- Nâng cao chất lượng sản phẩm, từng bước xây dựng thương hiệu Công ty.

- Nâng cấp nhà máy chế tạo thiết bị và kết cấu thép để đa dạng hóa sản phẩm và phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty trong những năm tiếp theo.

Điều 2. Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2015; Phương án phân phối lợi nhuận, trả cổ tức 2015 với các chỉ tiêu chính như sau:

1. Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2015:

a. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VNĐ

| STT | NỘI DUNG | SỐ DƯ 31/12/2015 | SỐ DƯ 31/12/2014 |
|-----------|------------------------------------|------------------------|------------------------|
| I | TÀI SẢN NGẮN HẠN | 712.594.749.283 | 668.930.709.648 |
| 1 | Tiền và các khoản tương đương tiền | 91.638.123.641 | 71.633.257.499 |
| 2 | Các khoản phải thu ngắn hạn | 317.956.565.721 | 240.948.716.346 |
| 3 | Hàng tồn kho | 298.169.710.022 | 348.920.572.675 |
| 4 | Tài sản ngắn hạn khác | 4.830.349.899 | 7.428.163.128 |
| II | TÀI SẢN DÀI HẠN | 292.548.380.403 | 296.599.134.017 |
| 1 | Các khoản phải thu dài hạn | 2.519.000.000 | 172.000.000 |
| 2 | Tài sản cố định | 172.907.921.590 | 173.799.362.903 |
| | - Tài sản cố định hữu hình | 143.404.927.319 | 164.246.998.701 |
| | - Tài sản cố định thuê tài chính | 23.576.536.267 | 3.609.419.535 |
| | - Tài sản cố định vô hình | 5.926.458.004 | 5.942.944.667 |
| 3 | Bất động sản đầu tư | 84.816.955.650 | 89.985.550.482 |
| 4 | Tài sản dở dang dài hạn | 5.528.144.023 | 2.261.072.885 |
| 5 | Đầu tư tài chính dài hạn | 26.280.793.625 | 26.280.793.625 |
| 6 | Tài sản dài hạn khác | 495.565.515 | 4.100.354.122 |

| | | | |
|------------|-------------------------------------|--------------------------|------------------------|
| III | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 1.005.143.129.686 | 965.529.843.665 |
| IV | NỢ PHẢI TRẢ | 802.371.382.724 | 778.207.632.590 |
| 1 | Nợ ngắn hạn | 382.811.976.267 | 384.330.539.584 |
| 2 | Nợ dài hạn | 419.559.406.457 | 393.877.093.006 |
| V | VỐN CHỦ SỞ HỮU | 202.771.746.962 | 187.322.211.075 |
| 1 | Vốn chủ sở hữu | 202.771.746.962 | 187.322.211.075 |
| | - Vốn góp của chủ sở hữu | 90.000.000.000 | 90.000.000.000 |
| | - Thặng dư vốn cổ phần | 5.000.000.000 | 5.000.000.000 |
| | - Cổ phiếu quỹ | -2.023.313.414 | -2.023.313.414 |
| | - Quỹ đầu tư phát triển | 75.679.398.942 | 63.921.214.851 |
| | - Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 2.789.108.603 | 2.789.108.603 |
| | - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 31.326.552.831 | 27.635.201.035 |
| VI | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 1.005.143.129.686 | 965.529.843.665 |

b. KẾT QUẢ KINH DOANH

Đơn vị tính: VNĐ

| STT | CHỈ TIÊU | NĂM 2015 | NĂM 2014 |
|-----|---|-------------------|-----------------|
| 1 | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 1.210.307.364.787 | 932.744.719.245 |
| 2 | Các khoản giảm trừ doanh thu | 0 | 0 |
| 3 | Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 1.210.307.364.787 | 932.744.719.245 |
| 4 | Giá vốn hàng bán | 1.138.247.298.042 | 863.197.530.583 |
| 5 | Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 72.060.066.745 | 69.547.188.662 |
| 6 | Doanh thu hoạt động tài chính | 2.357.163.919 | 1.458.089.943 |
| 7 | Chi phí tài chính | 26.056.667.997 | 27.679.973.383 |
| 8 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26.039.456.973 | 26.853.341.217 |
| 9 | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 22.321.105.694 | 16.471.964.005 |
| 10 | Thu nhập khác | 17.210.667.675 | 176.515.811.688 |
| 11 | Chi phí khác | 522.087.202 | 158.287.535.688 |
| 12 | Lợi nhuận khác | 16.688.580.473 | 18.228.276.000 |
| 13 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 39.009.686.167 | 34.700.240.005 |
| 14 | Thuế thu nhập doanh nghiệp | 8.604.446.974 | 7.977.094.344 |
| 15 | Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 30.405.239.193 | 26.723.145.661 |
| 16 | Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 3.416 | 3.003 |

2. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận, trả cổ tức 2015:

| STT | Chỉ tiêu | Diễn giải | Số tiền | Ghi chú |
|-----|--|---------------|----------------|---------|
| I | Lợi nhuận chưa phân phối năm trước chuyển sang | | 921.313.638 | |
| II | Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2015 | | | |
| 1 | Lợi nhuận trước thuế | | 39.009.686.167 | |
| 2 | Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp vào NSNN | 22% | 8.604.446.974 | |
| 3 | Lợi nhuận còn lại sau thuế | 3 = 1-2 | 30.405.239.193 | |
| III | Phương án phân phối lợi nhuận năm 2015 | III =1+2+3 | 18.547.195.907 | |
| 1 | Trích quỹ đầu tư phát triển | II.3 x 45% | 13.682.357.637 | |
| 2 | Trích quỹ khen thưởng | II.3 x 8% | 2.432.419.135 | |
| 3 | Trích quỹ phúc lợi | II.3 x 8% | 2.432.419.135 | |
| IV | Lợi nhuận còn lại (LN sau thuế - Trích các quỹ) | IV=I+II.3-III | 12.779.356.924 | |
| 1 | Chi trả cổ tức 13% | 1=1.1+1.2 | 11.570.000.000 | |
| 1.1 | Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu (10%) | 10% | 8.900.000.000 | |
| 1.2 | Chi trả cổ tức bằng tiền mặt (3%) | 3% | 2.670.000.000 | |
| 2 | Lợi nhuận còn lại sau khi đã phân phối năm 2015 | 2 = IV - IV.1 | 1.209.356.924 | |

Điều 3. Thông qua quyết toán quỹ tiền lương, thù lao thực hiện của cán bộ quản lý, Điều hành Công ty năm 2015 và phê duyệt kế hoạch năm 2016 như sau:

1. Phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2015:

- a. Tổng quỹ lương năm 2015: 2.500.200.000 đồng
- b. Tổng quỹ thù lao năm 2015: 656.640.000 đồng

2. Kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2016:

- a. Tiền lương đối với cán bộ quản lý, điều hành chuyên trách được xác định và trả lương gắn với các chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh kế hoạch so với thực hiện của năm trước liền kề, hàng tháng cán bộ quản lý, điều hành được tạm thanh toán bằng 80% của số tiền lương; 20% còn lại được quyết toán và chi trả khi có kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016 được kiểm toán theo quy chế.

b. Thù lao đối với cán bộ quản lý không chuyên trách gồm thành viên HĐQT, BKS và thư ký kế hoạch năm 2016 là:

- + Thành viên HĐQT và Trưởng BKS được trả thù lao bằng 20% mức lương của thành viên HĐQT chuyên trách.
- + Thành viên Ban kiểm soát và thư ký được trả thù lao bằng 20% mức lương của Kế toán Trưởng Công ty.

Hàng quý được tạm ứng bằng 80% mức thù lao trên; 20% còn lại được quyết toán và chi trả khi có kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016.

Điều 4. Thông qua các báo cáo, tờ trình tại Đại hội, bao gồm:

- Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2015.
- Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2015.

Điều 5. Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lilama 10 lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2016.

Điều 6. Thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2015 bằng cổ phiếu (phương án đính kèm).

Điều 7. Thông qua phương án phát hành cổ phiếu ra công chúng (phương án đính kèm)

Điều 8. Thông qua tờ trình sửa đổi và bổ sung Điều lệ Công ty Cổ phần Lilama 10 (tờ trình đính kèm).

Điều 9. Thông qua Đề án tái cấu trúc và nâng cao năng lực quản trị Công ty Cổ phần Lilama 10 (Điều chỉnh).

Điều 10. Phê chuẩn việc miễn nhiệm chức vụ thành viên Ban kiểm soát đối với:

Bà Nguyễn Thị Thu Trang; Ông Cao Tuấn Mai; Ông Trần Văn Nghĩa theo đơn từ nhiệm đồng thời bầu bổ sung 03 (ba) thành viên Ban kiểm soát thay thế.

Điều 11: Phê chuẩn kết quả bầu thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2012-2017 và phân công nhiệm vụ thành viên ban kiểm soát, gồm:

1. Ông Nguyễn Hoàng Hà - Trưởng ban
2. Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Kiểm soát viên
3. Đặng Hào Quang - Kiểm soát viên

Điều 12: Thực hiện nghị quyết:

- Đại hội đồng cổ đông giao Hội đồng quản trị chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc; các phòng ban nghiệp vụ và các đơn vị trực thuộc Công ty triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội trên cơ sở tuân thủ pháp luật Nhà nước và Điều lệ Công ty.
- Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 Công ty cổ phần LILAMA 10 sẽ được công bố cho các cổ đông trên Website của Công ty: www.lilama10.com.vn; www.lilama10.com.
- Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 Công ty cổ phần LILAMA10 thông qua toàn văn tại Đại hội với tỷ lệ biểu quyết thông qua 100%.

T/M.ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TỊCH HĐQT



Nguyễn Đức Tuấn

PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU TRẢ CỔ TỨC NĂM 2015

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Lilama 10

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/6/2006 và các văn bản pháp luật có liên quan;
- Thông tư 162/2015/TT-BTC hướng dẫn việc chào bán chứng khoán ra công chúng, chào bán cổ phiếu để hoán đổi, phát hành thêm cổ phiếu, mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ và chào mua công khai cổ phiếu;
- Điều lệ Công ty cổ phần Lilama 10
- Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2015.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc chi trả cổ tức năm 2015 bằng hình thức phát hành cổ phiếu, chi tiết phương án phát hành như sau:

1. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
2. Tỷ lệ chi trả cổ tức bằng cổ phiếu: 10%
3. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu
4. Mục đích phát hành: Chi trả cổ tức năm 2015
5. Tổng số lượng cổ phần: 9.000.000 cổ phần
6. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 8.900.000 cổ phiếu
7. Số lượng cổ phiếu quỹ: 100.000 cổ phiếu
8. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 890.000 cổ phiếu
9. Giá trị cổ phiếu phát hành dự kiến theo mệnh giá: 8.900.000.000 đồng (Tám tỷ chín trăm triệu đồng chẵn)
10. Mức tăng vốn điều lệ dự kiến:
 - Vốn điều lệ trước phát hành: 90.000.000.000 đồng
 - Số vốn điều lệ dự kiến tăng: 8.900.000.000 đồng
 - Vốn điều lệ sau khi phát hành: 98.900.000.000 đồng

- 11. Hình thức phát hành:** Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo báo cáo tài chính kiểm toán năm 2015.
- 12. Đối tượng phát hành:** Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền hưởng cổ tức.
- 13. Phương thức phát hành:** Cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu sẽ được phân phối theo phương thức thực hiện quyền.

14. Tỷ lệ thực hiện quyền: 10:1 và Phương án xử lý cổ phiếu lẻ (nếu có):

Cứ một cổ đông sở hữu 10 cổ phần được nhận 01 quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu. Cứ 01 quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu được nhận thêm 01 cổ phiếu mới. Số cổ phiếu phát hành thêm trả cổ tức bằng cổ phiếu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Số cổ phiếu lẻ thập phân (nếu có) do việc làm tròn số cổ phần cổ đông được nhận đến hàng đơn vị sẽ được chuyển cho (thường) Công đoàn Công ty cổ phần Lilama 10 quản lý và sở hữu.

Quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu không được phép chuyển nhượng.

Ví dụ: Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, cổ đông Nguyễn Văn A sở hữu 855 cổ phiếu. Với tỷ lệ phát hành cổ phiếu thường là 10:1, Ông Nguyễn Văn A sẽ được nhận $855:10 = 85,5$ cổ phiếu mới. Như vậy, theo nguyên tắc trên, Ông Nguyễn Văn A sẽ được nhận 85 cổ phiếu mới; phần lẻ 0,5 cổ phiếu sẽ được chuyển cho Công đoàn Công ty cổ phần Lilama 10 quản lý và sở hữu.

- 15. Thời gian thực hiện:** Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn thời điểm thích hợp.

16. Đăng ký lưu ký và niêm yết bổ sung chứng khoán:

Toàn bộ số lượng cổ phần phát hành thêm theo phương án đã nêu sẽ được đăng ký chứng khoán tại Trung Tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh.

- 17. Thông qua việc thay đổi Vốn điều lệ trên bản Điều lệ Công ty và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau khi có Báo cáo kết quả phát hành lên UBCKNN tương ứng với số Vốn điều lệ phát hành thành công.**

18. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị:

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các công việc liên quan tới việc phát hành như sau:

- Lựa chọn ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện Phương án phát hành như trên;
- Thực hiện các thủ tục cần thiết để hoàn tất việc phát hành cổ phiếu như Phương án trên;



- Thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi vốn điều lệ và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền sau khi có Báo cáo kết quả phát hành lên Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sửa đổi điều khoản quy định mức vốn điều lệ trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty theo đúng mức vốn điều lệ tăng lên sau khi kết thúc đợt phát hành;
- Thực hiện đăng ký chứng khoán tại Trung Tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh đối với toàn bộ số lượng cổ phiếu mới phát hành sau khi kết thúc đợt phát hành;
- Các vấn đề khác có liên quan đến việc phát hành.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua!

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- Lưu HĐQT.

T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH H.Đ.Q.T

Nguyễn Đức Tuấn



TỜ TRÌNH

*V/v: Phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng
(Phát hành cho cổ đông hiện hữu)*

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016

Căn cứ:

- Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;
- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư 162/2015/TT-BTC hướng dẫn việc chào bán chứng khoán ra công chúng, chào bán cổ phiếu để hoán đổi, phát hành thêm cổ phiếu, mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ và chào mua công khai cổ phiếu;
- Đề án Tái cấu trúc và nâng cao năng lực quản trị Công ty Cổ phần Lilama 10 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2014 thông qua ngày 19/4/2014;
- Điều lệ Công ty cổ phần Lilama 10, ngày 27 tháng 4 năm 2013;
- Căn cứ nhu cầu thực tế của Công ty Cổ phần Lilama 10 về vốn lưu động để phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình ĐHĐCĐ thường niên 2016 xem xét phương án huy động vốn với các thông tin chi tiết như sau:

1. **Tên cổ phần:** Cổ phần Công ty cổ phần Lilama 10
2. **Loại cổ phần:** Cổ phần phổ thông
3. **Mệnh giá cổ phần:** 10.000 đồng/cổ phần
4. **Vốn điều lệ hiện nay** (theo Báo cáo tài chính kiểm toán của CTCP Lilama 10 tại thời điểm 31/12/2015) là: 90.000.000.000 đồng
5. **Số lượng cổ phiếu đã phát hành:** 9.000.000 cổ phiếu
Trong đó:
 - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 8.900.000 cổ phiếu
 - Số lượng cổ phiếu quỹ: 100.000 cổ phiếu
6. **Mức tăng vốn điều lệ dự kiến**
 - + Vốn điều lệ trước phát hành: 98.900.000.000 đồng (số vốn điều lệ dự kiến sau khi hoàn tất việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức 10% của năm 2015)
 - + Số vốn điều lệ dự kiến tăng: 61.100.000.000 đồng
 - + Vốn điều lệ sau khi phát hành: 160.000.000.000 đồng
7. **Mục đích phát hành:** nhằm bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty.
8. **Hình thức phát hành :** Chào bán chứng khoán ra công chúng
9. **Đối tượng phát hành:** Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông được quyền mua cổ phiếu phát hành thêm (thời điểm chốt danh sách được ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định).
10. **Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành tối đa:** 6.110.000 cổ phiếu
11. **Giá chào bán thấp nhất dự kiến:** 10.000 đồng/cổ phiếu
12. **Giá chào bán cao nhất dự kiến:** Ủy quyền cho HĐQT xác định, nhưng phải lớn hơn hoặc bằng 10.000 đồng/cổ phần.
13. **Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá:** 61.100.000.000 đồng
14. **Tổng khối lượng vốn huy động theo giá bán dự kiến:** không thấp hơn 61.100.000.000 đồng
15. **Tỷ lệ phát hành:** 61,8 % (Cổ đông sở hữu 01 cổ phần có 01 quyền mua, cứ 1000 quyền mua thì sẽ được mua 618 cổ phiếu mới).
16. **Nguyên tắc xác định giá:** Ủy quyền cho HĐQT xây dựng nguyên tắc xác định giá bán chi tiết.

1. **Tên cổ phần:** Cổ phần Công ty cổ phần Lilama 10
2. **Loại cổ phần:** Cổ phần phổ thông
3. **Mệnh giá cổ phần:** 10.000 đồng/cổ phần
4. **Vốn điều lệ hiện nay** (theo Báo cáo tài chính kiểm toán của CTCP Lilama 10 tại thời điểm 31/12/2015) là: 90.000.000.000 đồng
5. **Số lượng cổ phiếu đã phát hành:** 9.000.000 cổ phiếu
Trong đó:
 - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 8.900.000 cổ phiếu
 - Số lượng cổ phiếu quỹ: 100.000 cổ phiếu
6. **Mức tăng vốn điều lệ dự kiến**
 - + Vốn điều lệ trước phát hành: 98.900.000.000 đồng (số vốn điều lệ dự kiến sau khi hoàn tất việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức 10% của năm 2015)
 - + Số vốn điều lệ dự kiến tăng: 61.100.000.000 đồng
 - + Vốn điều lệ sau khi phát hành: 160.000.000.000 đồng
7. **Mục đích phát hành:** nhằm bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty.
8. **Hình thức phát hành :** Chào bán chứng khoán ra công chúng
9. **Đối tượng phát hành:** Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông được quyền mua cổ phiếu phát hành thêm (thời điểm chốt danh sách được ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định).
10. **Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành tối đa:** 6.110.000 cổ phiếu
11. **Giá chào bán thấp nhất dự kiến:** 10.000 đồng/cổ phiếu
12. **Giá chào bán cao nhất dự kiến:** Ủy quyền cho HĐQT xác định, nhưng phải lớn hơn hoặc bằng 10.000 đồng/cổ phần.
13. **Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá:** 61.100.000.000 đồng
14. **Tổng khối lượng vốn huy động theo giá bán dự kiến:** không thấp hơn 61.100.000.000 đồng
15. **Tỷ lệ phát hành:** 61,8 % (Cổ đông sở hữu 01 cổ phần có 01 quyền mua, cứ 1000 quyền mua thì sẽ được mua 618 cổ phiếu mới).
16. **Nguyên tắc xác định giá:** Ủy quyền cho HĐQT xây dựng nguyên tắc xác định giá bán chi tiết.

17. Phương án xử lý số lượng cổ phiếu lẻ và số lượng cổ phần còn lại chưa phân phối hết sau đợt chào bán (nếu có)

Cổ phần phát hành cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống hàng đơn vị. Số cổ phần chưa phân phối hết và cổ phần lẻ phát sinh (nếu có) ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn đối tượng phân phối, tiêu chí, phương thức phân phối cho các đối tượng khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với giá khởi điểm của đợt chào bán này.

Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 100 cổ phần tại ngày chốt danh sách cổ đông. Với tỷ lệ phân bổ 61,8%, Cổ đông A được quyền mua thêm $100 * 61,8\% = 61,8$ cổ phần mới. Cổ đông A sẽ được quyền mua thêm 61 cổ phần mới với giá không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phiếu. 0,8 cổ phần lẻ phát sinh và/hoặc trường hợp Cổ đông A không mua thì Hội đồng Quản trị công ty sẽ quyết định chào bán cho đối tượng khác với giá không thấp hơn giá đã chào bán cho cổ đông A.

18. Điều khoản chuyển nhượng:

- + Quyền mua cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu được phép chuyển nhượng.
- + Cổ phiếu phát hành thêm không bị hạn chế chuyển nhượng.
- + Số cổ phần chưa phân phối hết và cổ phần lẻ phát sinh (nếu có) ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn đối tượng phân phối, tiêu chí, phương thức phân phối cho các đối tượng khác sẽ bị hạn chế chuyển nhượng theo qui định của pháp luật trong thời hạn 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

19. Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành:

Toàn bộ số tiền thu được sẽ được phục vụ nhu cầu vốn lưu động của Công ty. Kế hoạch sử dụng vốn lưu động chi tiết sẽ ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định.

20. Phương án xử lý trong trường hợp không thu đủ số vốn theo Phương án phát hành:

Ủy quyền HĐQT tự cân đối lại nguồn vốn sao cho phù hợp hoặc đưa ra một phương án xử lý thích hợp.

21. Thời gian dự kiến phát hành: Sau khi được sự chấp thuận của UBCKNN, dự kiến Quý III-IV/2016.

22. Thông qua việc thay đổi vốn điều lệ trên bản điều lệ công ty và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội sau khi có Báo cáo kết quả phát hành lên UBCKNN.

23. Thông qua việc đưa chứng khoán vào giao dịch trên thị trường chứng khoán có tổ chức

Sau khi hoàn tất đợt phát hành, Đại hội đồng cổ đông thông qua và ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực đăng ký chứng khoán bổ sung tại Trung Tâm Lưu ký Chứng khoán (VSD) và đăng ký niêm yết bổ sung chứng khoán trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE) đối với toàn bộ phần cổ phiếu mới phát hành theo quy định của pháp luật hiện hành.

24. Ủy quyền HĐQT

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các công việc liên quan tới việc phát hành như sau:

- Lựa chọn ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện Phương án phát hành như trên;
- Xây dựng nguyên tắc xác định giá bán chi tiết. Xác định giá phát hành cổ phiếu không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Xây dựng kế hoạch sử dụng vốn lưu động chi tiết nhằm mang lại hiệu quả cho hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Ủy quyền cho HĐQT công ty quyết định phương án xử lý trong trường hợp không thu đủ số vốn theo Phương án phát hành theo đúng quy định của Pháp luật.
- Quyết định phương án lựa chọn đối tượng, tiêu chí, phương thức phân phối với giá bán không thấp hơn giá phát hành của đợt phát hành này đối với số lượng cổ phiếu lẻ và số lượng cổ phiếu không phân phối hết của đợt phát hành (nếu có);
- Hoàn chỉnh việc sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty (do thay đổi vốn điều lệ) sau khi có Báo cáo kết quả phát hành lên UBCKNN.
- Sau khi hoàn tất đợt phát hành, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực đăng ký chứng khoán bổ sung tại Trung Tâm Lưu ký Chứng khoán (VSD) và đăng ký niêm yết bổ sung chứng khoán trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE) đối với toàn bộ phần cổ phiếu mới phát hành theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi vốn điều lệ và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hà Nội sau khi có Báo cáo kết quả phát hành lên UBCKNN.
- Tiến hành các thủ tục liên quan với Ủy ban chứng khoán nhà nước, Trung Tâm Lưu ký Chứng khoán, Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh và Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội.
- Các vấn đề khác có liên quan đến việc phát hành cổ phiếu nhằm đảm bảo cho đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ được thành công.

Hội đồng Quản trị Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- Lưu HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH H.Đ.QU.T

Nguyễn Đức Luân





LILAMA10, JSC

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM (LILAMA CORPORATION)
CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 10 (LILAMA 10, JSC)

Trụ sở: Toà nhà Lilama10 - Phố Tố Hữu - Phường Trung Văn

Quận Nam Từ Liêm - Thành phố Hà Nội.

Tel : 04.38.649.584

Fax: 04.38.649.581

Email: info@lilama10.com

ISO 9001:2008

OHSAS18001:2007

ASME - "S"; "U"

www.lilama10.com

www.lilama10.com.vn



Số: 29 /LILAMA10/HĐQT

Hà Nội, ngày 05 tháng 4 năm 2016

TỜ TRÌNH

Về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Điều lệ Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2015;

Căn cứ Luật Chứng Khoán số 70/2006/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/6/2006 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần cổ phần Lilama 10 được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 thông qua ngày 19/4/2014;

HĐQT kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua sửa đổi Điều lệ Công ty theo quy định tại Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13. Toàn văn bản Điều lệ được đính kèm theo Tờ trình này, các nội dung thay đổi bao gồm:

| STT | Điều lệ hiện hành | Sửa đổi, bổ sung | Căn cứ pháp lý |
|-----|---|---|----------------|
| 1 | Phần mở đầu Điều lệ này được thông qua theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông tổ chức chính thức vào ngày 19 tháng 4 năm 2014. | Phần mở đầu Điều lệ này được thông qua theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Lilama 10 tổ chức chính thức vào ngày 23 tháng 4 năm 2016. | |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 2 | <p>Điểm b, khoản 1, Điều 1: Giải thích thuật ngữ</p> <p>"Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 12 năm 2005;</p> | <p>Điểm b, khoản 1, điều 1: Giải thích thuật ngữ</p> <p>"Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;</p> | |
| 3 | <p>Chưa quy định tại Điều 1:</p> | <p>Điểm f, khoản 1, Điều 1</p> <p>Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty được quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định 60/2015/NĐ-CP được Thủ tướng Chính phủ ký ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2015.</p> | <p>Bổ sung nội dung liên quan đến tỷ lệ sở hữu nước ngoài</p> |
| 4 | <p>Điểm đ, khoản 1, Điều 1: Giải thích thuật ngữ</p> <p>đ. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;</p> | <p>Điểm đ, khoản 1, Điều 1</p> <p>đ. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại các văn bản luật hiện hành;</p> | <p>Khái niệm "Người có liên quan" được hiểu theo nhiều nghĩa khác nhau tùy theo từng trường hợp cụ thể.</p> |
| 5 | <p>Khoản 4, Điều 2:</p> <p>Tổng Giám đốc (Giám đốc) điều hành là đại diện theo pháp luật của Công ty.</p> | <p>Khoản 4, Điều 2: Người đại diện theo pháp luật</p> <p>a. Số lượng người đại diện theo pháp luật là một(01) người. Tổng Giám đốc là đại diện theo pháp luật của Công ty.</p> <p>b. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho doanh nghiệp thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp, đại diện cho doanh nghiệp với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo Điều 14 của Luật Doanh nghiệp và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện</p> | <p>Căn cứ theo Điều 13 và 14 Luật DN 2014 và tình hình hiện tại của Công ty.</p> |

| | | | |
|---|--|--|--|
| | | <p>hành.</p> <p>c. Người đại diện theo pháp luật của Công ty; và phải cư trú ở Việt Nam và phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật tại Công ty khi xuất cảnh khỏi Việt Nam.</p> <p>d. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.</p> <p>e. Trường hợp vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty thì Hội đồng quản trị cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của công ty.</p> | |
| 6 | <p>Khoản 1, Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động</p> <p>Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.</p> | <p>Khoản 1, Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động</p> <p>Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.</p> | <p>Điều 29 Luật doanh nghiệp quy định về Nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã loại bỏ nội dung ngành nghề kinh doanh. Việc đăng ký ngành nghề, nghề hoạt</p> |

| | | | |
|---|---|--|---|
| | | | động được quy định tại Điều 7 Nghị định 78/2005/NĐ-CP ban hành ngày 14/09/2015 về đăng ký doanh nghiệp. |
| | <p>Khoản 2, Điều 4.</p> <p>Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> | <p>Khoản 2, Điều 4.</p> <p>Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong những ngành, nghề mà pháp luật không cấm và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> | Khoản 1 Điều 7 Luật DN 2014 |
| 7 | <p>Điểm a, khoản 2, Điều 11. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:</p> <p>Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;</p> | <p>Điểm a, khoản 2, Điều 11. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:</p> <p>Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa, gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử. Cổ đông có thể tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác. Cổ đông gửi phiếu biểu quyết bằng thư đảm bảo, fax, thư điện tử đến Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) ngày trước khi khai mạc cuộc họp. Trong trường hợp gửi thư đảm bảo, Trưởng ban kiểm phiếu của Đại hội đồng cổ đông có quyền mở phiếu biểu quyết của cổ đông đó tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> | Phù hợp với quy định tại khoản 2 điều 140 Luật Doanh nghiệp 2014 |

| | | | |
|----|---|---|------------------|
| 8 | <p>Điểm b, khoản 3, Điều 11. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền :</p> <p>Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 79 và Điều 97 Luật Doanh nghiệp;</p> | <p>Điểm b, khoản 3, Điều 11. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền :</p> <p>Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp;</p> | |
| 9 | <p>Điểm 3, Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông</p> <p>Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.</p> | <p>Điểm 3, Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông</p> <p>Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.</p> | |
| 10 | <p>Điều 13. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;</p> | <p>Điều 13. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;</p> | Điều 136 Luật DN |

| | | |
|---|--|--|
| <p>e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 119 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 13 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 3 Điều 13</p> <p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông quy định Khoản 5 Điều 97 Luật Doanh nghiệp;</p> | <p>e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 13 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 3 Điều 13 của Điều lệ này; Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.</p> <p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.</p> | |
|---|--|--|

| | | | |
|----|---|---|--|
| | <p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định khoản 6 điều 97 Luật Doanh nghiệp.</p> | <p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6 điều 136 Luật doanh nghiệp.</p> | |
| 11 | <p>Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:</p> <p>a. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán;</p> <p>b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;</p> <p>c. Báo cáo của Ban kiểm soát;</p> <p>d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường</p> | <p>Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:</p> <p>a. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán;</p> <p>b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;</p> <p>c. Báo cáo của Ban kiểm soát;</p> <p>d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.</p> <p>e. Mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần</p> <p>f. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:</p> | <p>Bổ sung để phù hợp với quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Điều 135 Luật doanh nghiệp 2014</p> <p>Căn cứ Điểm d Khoản 2 Điều 135 Luật doanh nghiệp 2014</p> |

| | | | |
|----|--|--|---|
| | <p>thông qua quyết định về các vấn đề sau:</p> <p>m. Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;</p> <p>p. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;</p> | <p>m. Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc Chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các Chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;</p> <p>p. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;</p> | <p>Luật doanh nghiệp 2014</p> <p>Căn cứ vào Khoản 1, Điều 162 Luật doanh nghiệp 68/2014/QH13</p> |
| 12 | <p>Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội chậm nhất ba mươi (30) ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;</p> | <p>Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a. Chuẩn bị, lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 05 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ</p> | <p>Căn cứ Khoản 1 Điều 139 Luật doanh nghiệp 2014 và Khoản 3 Điều 8 Thông tư 155/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/01/2015 hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường</p> |

| | | | |
|--|--|---|---------------------|
| | <p>3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử (website) của công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu</p> | <p>đông của từng cổ đông. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý công ty phải cung cấp kịp thời thông tin số đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; đồng thời chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin số đăng ký cổ đông theo yêu cầu. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty.</p> <p>3. Mời họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>a. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi bằng phương thức bảo đảm cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử (website) của công ty và đăng báo hằng ngày của trung ương hoặc địa phương. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười ngày (10) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú</p> | <p>chứng khoán.</p> |
|--|--|---|---------------------|

| | | | |
|----|--|---|---|
| | <p>không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.</p> | <p>của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp, dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp, phiếu biểu quyết và mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và Công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu. nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.</p> | |
| 13 | <p>Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.</p> | <p>Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có</p> | <p>Căn cứ Khoản 1 & 2 Điều 141 Luật doanh nghiệp 2014</p> |

| | | | |
|----|--|---|---|
| | | quyền biểu quyết. | |
| 14 | <p>Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p> <p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp không có người có thể làm chủ tọa, thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p>6. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết.</p> | <p>Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p> <p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không có người có thể làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p>6. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;</p> <p>b) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;</p> <p>c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp. Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.</p> <p>Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định trên,</p> | Căn cứ Điều 142 Luật doanh nghiệp 2014. |

| | | | |
|----|--|---|---|
| | | Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành. | |
| 15 | <p>Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 75% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).</p> | <p>Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>2. Các quyết định của đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần; Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi công ty; Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý giao dịch mua; Bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 65% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).</p> | <p>Căn cứ Điều 144 Luật doanh nghiệp 2014</p> <p>Căn cứ Điều 144 Luật doanh nghiệp 2014</p> |

| | | | |
|----|---|--|---|
| | | | |
| 16 | <p>Khoản 2, Điều 21.</p> <p>Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.</p> | <p>Khoản 2, Điều 21.</p> <p>Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.</p> | Căn cứ Khoản 2 Điều 145 Luật doanh nghiệp 2014 |
| 17 | <p>Khoản 4, Điều 21.</p> <p>Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.</p> <p>Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.</p> | <p>Khoản 4, Điều 21.</p> <p>Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty theo một trong các hình thức sau đây:</p> <p>a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.</p> <p>b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.</p> <p>Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường</p> | Căn cứ Khoản 4 Điều 145 Luật doanh nghiệp 2014. Khác nhau về cách trình bày và bổ sung thêm phương thức gửi phiếu lấy ý kiến về Công ty. |

| | | | |
|----|--|--|--|
| | | hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết. | |
| 18 | <p>Điểm g, khoản 5, Điều 21.</p> <p>Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu.</p> <p>Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p> | <p>Điểm g, khoản 5, Điều 21.</p> <p>Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, của người kiểm phiếu và của người giám sát kiểm phiếu.</p> <p>Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p> | Căn cứ Điểm e, Khoản 5, Điều 145, Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13. |
| 19 | <p>Khoản 8. Điều 21</p> <p>Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p> | <p>Khoản 8. Điều 21</p> <p>Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ trường hợp quy định tại khoản 2 điều 20 Điều lệ này</p> | Căn cứ Khoản 2, Điều 144, Luật doanh nghiệp số |
| 20 | <p>Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ</p> | <p>Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ</p> | Phù hợp với quy định tại Khoản 3 Điều 146 Luật Doanh nghiệp 2014 |

| | | | |
|----|---|---|---|
| | <p>đồng. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p> | <p>đồng. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Việc gửi biên bản có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty.</p> | |
| 21 | <p>Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật</p> | <p>Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp</p> | Căn cứ Điều 147, Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13. |

| | | | |
|----|---|--|--|
| | Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. | quy định tại khoản 2 Điều 148 của Luật doanh nghiệp. | |
| 22 | <p>Điểm c, khoản 4, Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</p> <p>Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 108 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 120 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm công ty và liên doanh);</p> | <p>Điểm c, khoản 4, Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</p> <p>Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm công ty và liên doanh);</p> | Căn cứ Khoản 2, Điều 149 và Khoản 3, Điều 162, Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 |
| 23 | <p>Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</p> <p>4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 27 phải được tiến hành trong thời hạn mười lăm (15) ngày sau khi có đề xuất họp. ...</p> <p>7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm (05) ngày trước khi tổ chức họp...</p> <p>8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư</p> | <p>Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</p> <p>4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 27 phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc sau khi có đề xuất họp. ...</p> <p>Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.</p> <p>7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất ba (03) ngày làm việc trước khi tổ chức họp....</p> <p>8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ</p> | Phù hợp với quy định tại Điều 153 Luật Doanh nghiệp 2014 |

| | | |
|---|--|--|
| <p>(3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền).</p> <p>Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p> <p>9. Biểu quyết.</p> <p>a. Trừ quy định tại Điểm b Khoản 9 Điều 27 mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp. Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;</p> | <p>được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền).</p> <p>Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp</p> <p>9. Biểu quyết.</p> <p>a. Trừ quy định tại Điểm b Khoản 9 Điều 27, Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; - Ủy quyền cho người khác đến dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. - Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác; - Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. <p>Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.</p> <p>Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;</p> | |
|---|--|--|

24

Khoản 1, Điều 32. Thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty từ ba (03) đến năm (05) thành viên. **Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát phải có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.**

Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty. Ban kiểm soát phải chỉ định một (01) thành viên làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

- a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Khoản 1, Điều 32. Thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có từ 03 đến 05 thành viên, Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định. **Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty, Các thành viên Ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.** Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Các thành viên Ban kiểm soát không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác và tuân thủ quy định khác tại điều 164 Luật doanh nghiệp. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

- a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình

Căn cứ Điều 163 và Điều 164 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13

| | | Đại hội đồng cổ đông. d. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật | |
|----|---|--|---|
| 25 | <p>Điều 33. Ban kiểm soát</p> <p>1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:</p> <p>a. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan;</p> <p>b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;</p> <p>c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;</p> <p>d. Kiểm tra các báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý;</p> <p>đ. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;</p> <p>e. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty;</p> <p>g. Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận; và</p> <p>h. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.</p> | <p>Điều 33. Ban kiểm soát</p> <p>1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp.</p> | <p>Căn cứ Điều 165 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13.</p> |
| 26 | <p>Khoản 4, Điều 33</p> <p>Mức thù lao của các thành viên Ban kiểm soát do</p> | <p>Khoản 4, Điều 33</p> <p>Tiền lương và quyền lợi khác của Kiểm soát viên</p> | <p>Căn cứ Điều 167 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13</p> |

| | | | |
|----|---|---|--|
| | <p>Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên của Ban kiểm soát được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.</p> | <p>được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>a. Kiểm soát viên được trả tiền lương hoặc thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;</p> <p>b. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;</p> <p>c. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.</p> | |
| 27 | <p>Cụm từ: Thành viên Ban kiểm soát</p> | <p>Đổi thành: Kiểm soát viên</p> | <p>Phù hợp với Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13</p> |
| | <p>Khoản 2, Điều 48. Gia hạn hoạt động</p> <p>Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> | <p>Khoản 2, Điều 48. Gia hạn hoạt động</p> <p>2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> | |

| | | | |
|----|---|---|---|
| 28 | <p>Điều 52. Ngày hiệu lực</p> <p>1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 52 điều được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần LILAMA 10 nhất trí thông qua ngày 19 tháng 4 năm 2014 tại thành phố Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.</p> | <p>Điều 52. Ngày hiệu lực</p> <p>1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 52 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Lilama 10 nhất trí thông qua ngày 23 tháng 04 năm 2016 tại Trụ sở Công ty cổ phần Lilama 10. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 4 năm 2016.</p> | <p>Hiệu lực của Điều lệ Quy định Điều lệ sửa đổi có hiệu lực khi Luật DN mới có hiệu lực (01/07/2015)</p> |
|----|---|---|---|

Các điều, khoản trên đây đã được tham chiếu đến Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 trong Điều lệ Công ty Cổ phần LiLama 10 được sửa đổi tham chiếu đến các điều, khoản tương ứng của Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13.

HDQT Kính trình Đại Hội

Trân trọng cảm ơn !

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- Lưu: TK HĐQT.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH H.Đ.Q.T
Nguyễn Đức Tuấn

